

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2021/HNGĐ - ST**
Ngày 31-5-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sự;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn PL - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 5, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lường Quốc U, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 5, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Lường Quốc U chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 31/12/2007. Việc chung sống, kết hôn là do ông, bà hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc nhưng sau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lường Quốc U.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Lê Thị L và ông Lường Quốc U có 03 người con chung tên Lường Thị BN, sinh ngày 29/11/2007; Lường Lê PL, sinh ngày

18/9/2010; Lương Ngọc LN, sinh ngày 20/7/2016. Khi ly hôn bà L giao con chung cho ông U nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/4/2021, bị đơn ông Lương Quốc U trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lương Quốc U và bà Lê Thị L chung sống, có đăng ký kết hôn. Việc mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nay bà Lê Thị L xin ly hôn thì ông Lương Quốc U đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 03 người con chung tên Lương Thị BN, sinh ngày 29/11/2007; Lương Lê PL, sinh ngày 18/9/2010; Lương Ngọc LN, sinh ngày 20/7/2016. Khi ly hôn ông U yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lương Quốc U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, bà Lê Thị L và ông Lương Quốc U chung sống có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, bà Lê Thị L cho rằng cuộc sống mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Lương Quốc U đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Lương Quốc U. Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Lương Quốc U có 03 người con chung tên Lương Thị BN, sinh ngày 29/11/2007; Lương Lê PL, sinh ngày 18/9/2010; Lương Ngọc LN, sinh ngày 20/7/2016. Khi ly hôn bà L giao con chung cho ông U nuôi dưỡng, ông U cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho ông Lương Quốc U nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông U không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Căn cứ Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Quốc U, bị đơn ông Lương Quốc U hiện cư trú tại xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, bà Lê Thị L có đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân

huyện Phú Giáo giải quyết nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị L, bị đơn ông Lường Quốc U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Lường Quốc U tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 31/12/2007. Bà Lê Thị L và ông Lường Quốc U đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn ông Lường Quốc U đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Lường Quốc U.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Lường Quốc U có 03 người con chung tên Lường Thị BN, sinh ngày 29/11/2007; Lường Lê PL, sinh ngày 18/9/2010; Lường Ngọc LN, sinh ngày 20/7/2016. Khi ly hôn bà L giao con chung cho ông U nuôi dưỡng, ông U cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con, do đó Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho ông Lường Quốc U nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông U không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Lường Quốc U về việc “Ly hôn”.
2. Về hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lường Quốc U.

3. Về con chung: Giao con chung tên Lường Thị BN, sinh ngày 29/11/2007; Lường Lê PL, sinh ngày 18/9/2010; Lường Ngọc LN, sinh ngày 20/7/2016 cho ông Lường Quốc U nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lường Quốc U không yêu cầu bà Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0043806 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- UBND xã TL
- (Số 85, quyển số 01/2007);
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
 - TAND tỉnh Bình Dương;
 - VKSND huyện Phú Giáo;
 - UBND xã TL
- (Số 85, quyển số 01/2007);
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
 - Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh